

A. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: - Hệ thống lại cho học sinh trình tự phát triển và kỹ năng cần thiết trong chương.

2. Kỹ năng: - Ôn lại kiến thức và kỹ năng cơ bản của chương như: dấu hiệu, tần số, bảng tần số, cách tính số trung bình cộng, mốt, biểu đồ

3. Thái độ: - Luyện tập một số dạng toán cơ bản của chương.

4. Năng lực cần Hình thành: Năng lực tính toán: Sử dụng được các phép toán, sử dụng được thống kê toán học trong học tập và đời sống

-Năng lực sử dụng hệ thống ngôn ngữ ,kí hiệu.

B. CHUẨN BỊ:

1. Chuẩn bị của giáo viên: Máy tính kết hợp điện thoại cài đặt Zoom, bài giảng bằng PowerPoint, tạo phòng dạy trực tuyến, cung cấp mã học online cho học sinh.

2. Chuẩn bị của học sinh: vở ghi, điện thoại hoặc máy tính có cài đặt ứng dụng Zoom.

C. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC :

- Đặt và giải quyết vấn đề

- Phương pháp đàm thoại

-Luyện tập và thực hành

D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

I. ÔN ĐỊNH TỔ CHỨC: Điểm danh học sinh trong zoom

II. KIỂM TRA BÀI CŨ:

III. BÀI MỚI: 39'

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV | GHI VỎ CỦA HỌC SINH |
|---------------------|---------------------|
| 2/ Kiểm tra bài cũ: | |

3/ Bài mới:

Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết:

Gv đưa sơ đồ và tiến trình ôn tập.



Các dạng bài tập:

CÁC DẠNG BÀI TẬP

- 1 Khai thác thông tin từ bảng số liệu thống kê ban đầu
- 2 Lập bảng tần số
- 3 Tính số trung bình cộng
- 4 Tìm mốt của dấu hiệu
- 5 Dựng biểu đồ và đọc biểu đồ

I/ Lý thuyết:



HOẠT ĐỘNG 2: Hoạt động làm bài tập

Bài tập 1: Điểm một bài kiểm tra của một nhóm học sinh được ghi lại như sau:

| | | | | |
|----|---|---|---|----|
| 4 | 6 | 7 | 9 | 10 |
| 10 | 8 | 8 | 7 | 7 |

Dùng các số liệu trên để trả lời các câu hỏi sau?

Câu 1: Dấu hiệu điều tra là:

- A. Bài kiểm tra của mỗi học sinh
- B. Điểm bài kiểm tra của mỗi học sinh
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Đáp án: **B**

Câu 2. Số các giá trị của dấu hiệu là:

- A. 7 B. 8 C. 9 D. 10

Đáp án: **D**

Câu 3. Số các giá trị khác nhau của dấu hiệu là:

- A. 7 B. 6 C. 5 D. 4

Đáp án: **B**

Câu 4. Tần số của giá trị 7 là:

- A. 2 B. 5 C. 3 D. 4

Đáp án: **C**

Câu 5: Bảng tần số nào sau đây đúng?

Bài tập 1: Điểm một bài kiểm tra của một nhóm học sinh được ghi lại như sau:

| | | | | |
|----|---|---|---|----|
| 4 | 6 | 7 | 9 | 10 |
| 10 | 8 | 8 | 7 | 7 |

Câu 1: Dấu hiệu điều tra là:

- A. Bài kiểm tra của mỗi học sinh
- B. Điểm bài kiểm tra của mỗi học sinh
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 2. Số các giá trị của dấu hiệu là:

- A. 7 B. 8 C. 9 D. 10

Câu 3. Số các giá trị khác nhau của dấu hiệu là:

- A. 7 B. 6 C. 5 D. 4

Câu 4. Tần số của giá trị 7 là:

- A. 2 B. 5 C. 3 D. 4

Câu 5: Bảng tần số nào sau đây đúng?

A.

| | | | | | | | |
|-------------|---|---|---|---|---|----|------|
| Giá trị (x) | 4 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | |
| Tần số (n) | 1 | 1 | 2 | 3 | 1 | 2 | N=10 |

B.

| | | | | | | | |
|-------------|---|---|---|---|---|----|------|
| Giá trị (x) | 4 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | |
| Tần số (n) | 1 | 1 | 3 | 2 | 1 | 2 | N=10 |

Đáp áp: **B**

Câu 6. Số trung bình cộng của dấu hiệu là:

- A. 7,6 B. 7,5 C. 7,8 D. 7,9

Đáp áp: **A**

Câu 7. Một của dấu hiệu là:

- A. 2 B. 3 C. 7 D. 10

Đáp áp: **C**

Bài tập 2: Điền vào chỗ trống để được câu khẳng định đúng

1. Vấn đề hay hiện tượng mà người ta quan tâm tìm hiểu gọi là ... (1)..
2. Mỗi đối tượng được điều tra gọi là ... (2)...
3. Các số liệu thu thập được khi điều tra về một dấu hiệu gọi là ... (3)...
Mỗi số liệu là một giá trị của dấu hiệu (x).
4. Số tất cả các giá trị của dấu hiệu bằng... (4)...
5. Số lần xuất hiện của một giá trị trong dãy giá trị của dấu hiệu là ... (5)...

Đáp án:

- (1) dấu hiệu (X)
- (2) một đơn vị điều tra
- (3) số liệu thống kê

A.

| | | | | | | | |
|-------------|---|---|---|---|---|----|------|
| Giá trị (x) | 4 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | |
| Tần số (n) | 1 | 1 | 2 | 3 | 1 | 2 | N=10 |

B.

| | | | | | | | |
|-------------|---|---|---|---|---|----|------|
| Giá trị (x) | 4 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | |
| Tần số (n) | 1 | 1 | 3 | 2 | 1 | 2 | N=10 |

Câu 6. Số trung bình cộng của dấu hiệu là:

- A. 7,6 B. 7,5 C. 7,8 D. 7,9

Câu 7. Một của dấu hiệu là:

- A. 2 B. 3 C. 7 D. 10

Bài tập 2: Điền vào chỗ trống để được câu khẳng định đúng

1. Vấn đề hay hiện tượng mà người ta quan tâm tìm hiểu gọi là ... (1)..
2. Mỗi đối tượng được điều tra gọi là ... (2)...
3. Các số liệu thu thập được khi điều tra về một dấu hiệu gọi là ... (3)...
Mỗi số liệu là một giá trị của dấu hiệu (x).
4. Số tất cả các giá trị của dấu hiệu bằng... (4)...
5. Số lần xuất hiện của một giá trị trong dãy giá trị của dấu hiệu là ... (5)...

(4) số các đơn vị điều tra (N).

(5) Tần số của giá trị đó (n).

6. Số lần xuất hiện của một giá trị trong dãy giá trị của dấu hiệu là

... của giá trị đó.

7. Số các giá trị của dấu hiệu bằng tổng các ... của các giá trị đó.

8. Khi các ... của dấu hiệu có khoảng cách chênh lệch rất lớn thì ta không nên lấy số trung bình cộng đại diện cho dấu hiệu đó.

9. Một của dấu hiệu là ... có tần số lớn nhất. trong bảng tần số

10. Số trung bình cộng của dấu hiệu () được tính bằng công thức:

Đáp án:

(6) **tần số**

(7) **tần số**

(8) **giá trị**

(9) **giá trị**

(10)

$$\bar{X} = \frac{x_1 \cdot n_1 + x_2 \cdot n_2 + x_3 \cdot n_3 + \dots + x_k \cdot n_k}{N}$$

Trong đó:

x_1, x_2, \dots, x_k là các giá trị khác nhau của dấu hiệu.

n_1, n_2, \dots, n_k là các tần số tương ứng của các giá trị đó.

N: số các giá trị

Bài tập 3: *Bài 20 (SGK.Tr 23)

6. Số lần xuất hiện của một giá trị trong dãy giá trị của dấu hiệu là

... của giá trị đó.

7. Số các giá trị của dấu hiệu bằng tổng các ... của các giá trị đó.

8. Khi các ... của dấu hiệu có khoảng cách chênh lệch rất lớn thì ta không nên lấy số trung bình cộng đại diện cho dấu hiệu đó.

9. Một của dấu hiệu là ... có tần số lớn nhất. trong bảng tần số

10. Số trung bình cộng của dấu hiệu () được tính bằng công thức:

$$\bar{X} = \frac{x_1 \cdot n_1 + x_2 \cdot n_2 + x_3 \cdot n_3 + \dots + x_k \cdot n_k}{N}$$

Trong đó:

x_1, x_2, \dots, x_k là các giá trị khác nhau của dấu hiệu.

n_1, n_2, \dots, n_k là các tần số tương ứng của các giá trị đó.

N: số các giá trị

Bài tập 3: *Bài 20 (SGK.Tr 23)

a) Dấu hiệu ở đây là năng suất lúa xuân năm 1990 của các tỉnh thành từ Nghệ An trở vào (tạ/ha)

Điều tra năng suất lúa xuân năm 1990 của 31 tỉnh thành từ Nghệ An trở vào, người điều tra lập được bảng sau:

| STT | Tỉnh, thành phố | Năng suất (tạ/ha) | STT | Tỉnh, thành phố | Năng suất (tạ/ha) |
|-----|------------------|-------------------|-----|-------------------|-------------------|
| 01 | Nghệ An | 30 | 16 | Bình Dương | 30 |
| 02 | Hà Tĩnh | 30 | 17 | Đồng Nai | 30 |
| 03 | Quảng Bình | 20 | 18 | Bình Thuận | 40 |
| 04 | Quảng Trị | 25 | 19 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 30 |
| 05 | Thừa Thiên - Huế | 35 | 20 | Long An | 25 |
| 06 | Đà Nẵng | 45 | 21 | Đồng Tháp | 35 |
| 07 | Quảng Nam | 40 | 22 | An Giang | 35 |
| 08 | Quảng Ngãi | 40 | 23 | Tiền Giang | 45 |
| 09 | Bình Định | 35 | 24 | Vĩnh Long | 35 |
| 10 | Phú Yên | 50 | 25 | Bến Tre | 35 |
| 11 | Khánh Hoà | 45 | 26 | Kiên Giang | 35 |
| 12 | TP. Hồ Chí Minh | 35 | 27 | Cần Thơ | 30 |
| 13 | Lâm Đồng | 25 | 28 | Trà Vinh | 40 |
| 14 | Ninh Thuận | 45 | 29 | Sóc Trăng | 40 |
| 15 | Tây Ninh | 30 | 30 | Bạc Liêu | 40 |
| | | | 31 | Cà Mau | 35 |

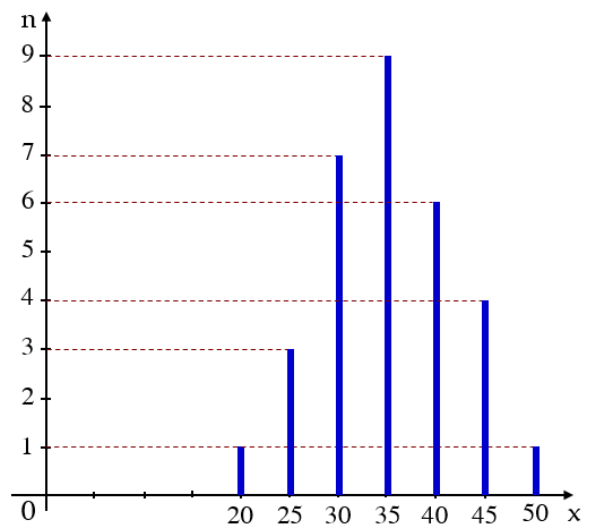
- Dấu hiệu ở đây là gì?
- Lập bảng “tần số”.
- Dựng biểu đồ đoạn thẳng.
- Tính số trung bình cộng.
- Tìm một của dấu hiệu.

Bài tập 4. Tính điểm “Trung bình các môn học kỳ I” của hai bạn: Hải và Hảo. Bạn nào được xếp loại học lực khá ?

b. Bảng “tần số”:

| Giá trị (x) | Tần số (n) |
|-------------|------------|
| 20 | 1 |
| 25 | 3 |
| 30 | 7 |
| 35 | 9 |
| 40 | 6 |
| 45 | 4 |
| 50 | 1 |
| | N=31 |

c. Biểu đồ đoạn thẳng:



d) Số trung bình cộng:

| Giá trị (x) | Tần số (n) | Các tích (x.n) |
|-------------|------------|----------------|
| 20 | 1 | 20 |
| 25 | 3 | 75 |
| 30 | 7 | 210 |
| 35 | 9 | 315 |
| 40 | 6 | 240 |
| 45 | 4 | 180 |
| 50 | 1 | 50 |
| | N=31 | Tổng: 1090 |

$$\bar{X} = \frac{1090}{31} \approx 35$$

Vậy $\bar{X} \approx 35$ (tạ/ha)

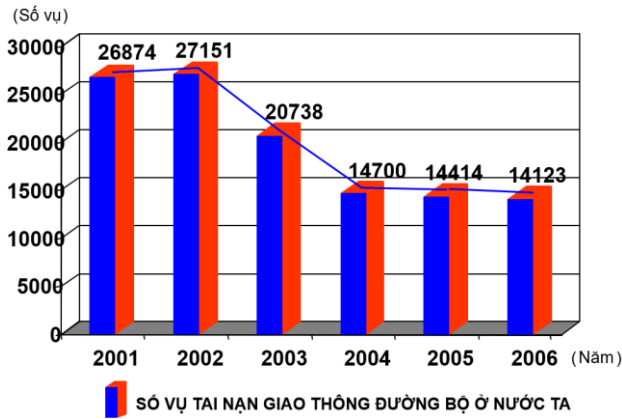
e) Một của dấu hiệu: $M_0 = 35$

Bài tập 4. Tính điểm “Trung bình các môn học kỳ I” của hai bạn: Hải và Hảo. Bạn nào được xếp loại học lực khá ?

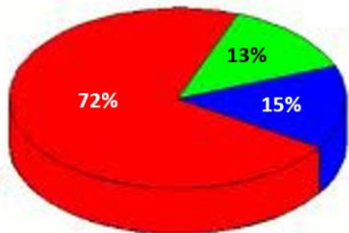
| | Toán | Lý | Tin | Sinh | CN | Văn | Sử | Địa | GDCD | NN | TBCM |
|------------|------|-----|-----|------|-----|-----|-----|-----|------|-----|------------|
| Hài | 6,6 | 7,8 | 8,0 | 8,7 | 8,4 | 7,1 | 8,1 | 8,6 | 4,8 | 9,1 | 7,7 |
| Hào | 7,6 | 7,5 | 6,8 | 7,7 | 8,4 | 7,5 | 8,1 | 8,3 | 6,9 | 7,6 | 6,9 |

Bài tập 5: *Bài 21 (SGK.Tr 23)

Sưu tầm trên sách báo một số biểu đồ (đoạn thẳng, hình chữ nhật hoặc hình quạt) về một vấn đề nào đó, sau đó nhận xét



■ Cây công nghiệp ■ Cây lương thực
■ Cây thực phẩm



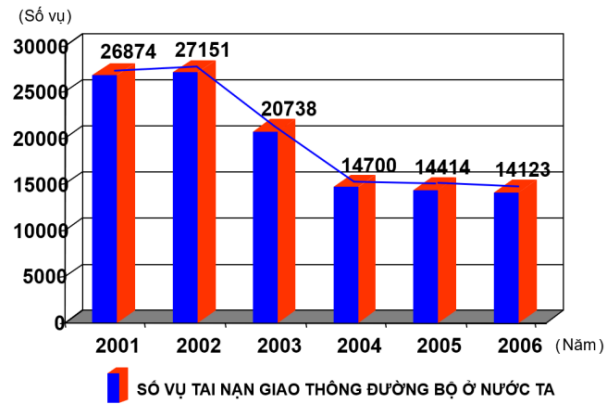
PHÂN BỐ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG Ở NƯỚC TA TÍNH ĐẾN NĂM 2005

? Em hãy cho biết ý nghĩa của thống kê trong đời sống hàng ngày ?

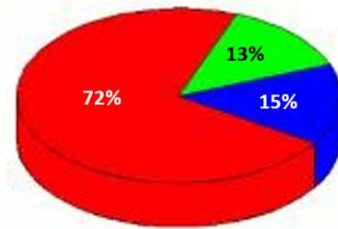
| | Toán | Lý | Tin | Sinh | CN | Văn | Sử | Địa | GDCD | NN | TBCM |
|------------|------|-----|-----|------|-----|-----|-----|-----|------|-----|------------|
| Hài | 6,6 | 7,8 | 8,0 | 8,7 | 8,4 | 7,1 | 8,1 | 8,6 | 4,8 | 9,1 | 7,7 |
| Hào | 7,6 | 7,5 | 6,8 | 7,7 | 8,4 | 7,5 | 8,1 | 8,3 | 6,9 | 7,6 | 6,9 |

Bài tập 5: *Bài 21 (SGK.Tr 23)

Sưu tầm trên sách báo một số biểu đồ (đoạn thẳng, hình chữ nhật hoặc hình quạt) về một vấn đề nào đó, sau đó nhận xét



■ Cây công nghiệp ■ Cây lương thực
■ Cây thực phẩm



PHÂN BỐ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG Ở NƯỚC TA TÍNH ĐẾN NĂM 2005

Tóm tắt kiến thức

Điều tra về một vấn đề (dấu hiệu)

Thu thập số liệu thống kê

- Bảng số liệu TKBD
- Các giá trị khác nhau của dấu hiệu
- Tần số của mỗi giá trị

Bảng "tần số"

Biểu đồ

- Số trung bình công $\bar{X} = \frac{x_1 \cdot n_1 + x_2 \cdot n_2 + \dots + x_k \cdot n_k}{n_1 + n_2 + \dots + n_k}$
- Mốt của dấu hiệu

Ý nghĩa của thống kê trong đời sống